

Bản án số: 49/2022/HS-ST  
Ngày: 29-9-2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Phấn;

2. Bà Lê Giang Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

T H T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/7/1990 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn N D, xã X Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông T H L sinh năm 1964 (đã chết); con bà T T H sinh năm 1966; vợ, con: chưa có; Bị cáo có 02 tiền án:

+ Bản án hình sự số 10/2012/HS-ST ngày 16/01/2012 của Tòa án thành phố V, tỉnh N áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo T H T 10 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; buộc T phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 85.800.000 đồng, truy thu của T 33.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước; buộc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.290.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đến ngày 11/02/2019 T chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 4.490.000 đồng, được Tòa án nhân dân huyện B miễn khoản truy thu là 8.250.000 đồng, còn phải thi hành 24.750.000 đồng;

+ Bản án hình sự số 06/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai áp dụng điểm b,h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt T H T 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 29/6/2020 T chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 07/12/2021 T chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự số 129/2009/HS-ST ngày 26/02/2009 của Toà án nhân dân thành phố B H, tỉnh Đ N áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g,h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo T H T 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo T phải chịu 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 16/6/2009 T chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 21/5/2010 T chấp hành xong hình phạt tù, tính đến lần phạm tội này bị cáo T đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/6/2022, tạm giam ngày 02/7/2022; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Bị hại:* Anh L V H năm 1979

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P T 3, thị trấn P L, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị T K T sinh năm 1981

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P T 3, thị trấn P L, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 27/6/2022 T H T đi bộ từ khu vực Trung tâm văn hoá huyện B thuộc tổ dân phố số 4, thị trấn P L, huyện B đến khu vực đường sắt thuộc tổ dân phố P T 3, thị trấn P L, huyện B để đi vệ sinh. Sau khi đi vệ sinh xong, T nhìn thấy cánh cửa đằng sau nhà vợ chồng anh L V H và chị T K T khép hờ. Thấy vậy, T đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh H, chị T để trộm cắp tài sản. T quan sát xung quanh không có ai nên bật đèn qua bức tường nhảy vào vườn rau nhà anh H rồi mở cửa đi vào trong. T đi qua khu bếp vào phía trong nhà thì nhìn thấy có 01 phòng có kê 01 giường ngủ đang mắc màn và nhìn thấy anh H đang ngủ, quan sát xung quanh thấy dưới nền đất, phía cuối giường có ổ điện và có dây sạc điện thoại màu trắng đang cắm ở ổ điện, một đầu dây sạc dẫn vào bên trong màn. T cúi người xuống từ từ kéo dây sạc này ra thấy có 01 chiếc điện thoại di động Iphone XS max màu trắng đang sạc, T rút dây sạc ra và dùng tay phải cầm lấy chiếc điện thoại. Tiếp đó, T nhìn thấy có 01 chiếc đồng hồ đeo tay nam bằng kim loại, nhãn hiệu Japan (Olympianus OP900-08Am Automatic) để ở trên bàn học, T dùng tay trái cầm lấy chiếc đồng hồ này. Sau đó T đi theo hành lang lên phòng khách để tiếp tục trộm cắp tài sản, thì lúc này chị T đang ở phòng khách. Qua ánh đèn ở phòng khách chị T thấy bóng người của T và T cũng nhìn thấy có người nên T bỏ chạy ra sau nhà rồi bật đèn bật chạy ra ngoài, chị T liền hô lên "Trộm, trộm", khi đó anh H nghe thấy tiếng chị T hô liền dậy đuổi theo T nhưng không kịp. Anh H và chị T vào nhà kiểm tra thì phát hiện bị mất tài sản nên đã gọi điện trình báo Công an thị trấn P L. Đối với T H T sau khi bỏ chạy ra khỏi nhà anh H đã cất dấu chiếc điện thoại ở bụi cỏ gần Trung tâm văn hoá huyện B, còn chiếc đồng hồ T mang theo trên người. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với T H T về tội Trộm cắp tài sản để điều tra, làm rõ.

Kết luận định giá trị tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu trắng, dung lượng 64G, mua năm 2019 có giá trị 6.000.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nam bằng kim loại, nhãn hiệu Japan (Olympianus OP900-08Am Automatic), kính Sapphire, mua năm 2017 có giá trị 1.500.000 đồng. Tổng cộng 7.500.000 đồng.

Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 17/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo T H T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo. Phạt bị cáo T H T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí theo quy định đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo T H T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2009 Tòa án nhân dân thành phố B H, tỉnh Đ N đã xét xử bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Để có tiền tiêu sài cho bản thân ngày 27/6/2022 bị cáo lợi dụng sơ hở để trộm cắp của anh L V H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu trắng, dung lượng 64G có giá trị 6.000.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nam bằng kim loại, nhãn hiệu Japan (Olympianus OP900-08Am Automatic), kính Sapphire có giá trị 1.500.000 đồng. Tổng cộng 7.500.000 đồng. Năm 2020 bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, tại bản án này bị cáo bị xác định phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52, đến ngày 07/12/2021 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù, tính đến lần phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo T H T đã xâm phạm trực tiếp đến

quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng sâu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nên cần phải xử lý nghiêm và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, ra một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự để ra một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2]: Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3] Trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án này là anh L V H bị mất trộm 01 chiếc điện thoại Iphone XS max, màu trắng, dung lượng 64G có giá trị 6.000.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nam bằng kim loại, nhãn hiệu Japan (Olympianus OP900-08Am Automatic), kính Sapphire có giá trị 1.500.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại. Xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone XS max, màu trắng, dung lượng 64G có giá trị 6.000.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nam bằng kim loại, nhãn hiệu Japan (Olympianus OP900-08Am Automatic), kính Sapphire có giá trị 1.500.000 đồng. Theo quyết định xử lý vật chứng số 16, ngày 16/7/2022 về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về hình phạt xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và căn cứ quyết định hình phạt và đối với các đề nghị khác của Viện kiểm sát hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo T H T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T H T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo T H T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 27/6/2022.

3. Về án phí: Bị cáo T H T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện B;
- PC (81); Công an huyện B (02);
- Chi cục THA DS huyện B;
- Nhà tạm giữ CA huyện B;
- Bị cáo; bị hại (02);
- Lưu: HS, THS, THAHS, TA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký và đóng dấu

**Trần Bình Trọng**

